

## MEASURING AND EVALUATING THE QUALITY OF LIFE INDEX IN DA NANG CITY

Bui Khắc Phương, Phan Huỳnh Khanh  
Thuong and Trương Văn Cảnh\*

*Faculty of Geography, The University of Da  
Nang, University of Science and Education,  
Da Nang city, Vietnam*

\*Corresponding author Trương Văn Cảnh,  
e-mail: tvcanh@ued.udn.vn

Received August 1, 2024.

Revised August 13, 2024.

Accepted August 20, 2024.

## ĐO LƯỜNG VÀ ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG DÂN CƯ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Bùi Khắc Phương, Phan Huỳnh Khánh  
Thương và Trương Văn Cảnh\*

*Khoa Địa lí, Trường Đại Học Sư Phạm,  
Đại học Đà Nẵng, thành phố Đà Nẵng,  
Việt Nam*

\*Tác giả liên hệ: Trương Văn Cảnh,  
e-mail: tvcanh@ued.udn.vn

Ngày nhận bài: 1/8/2024.

Ngày sửa bài: 13/8/2024.

Ngày đăng bài: 20/8/2024.

**Abstract.** The article focuses on measuring and evaluating the quality of life index of Da Nang City's population based on the method of standardizing the scale 0 (worst value) - 100 (best value). The quality of life of Da Nang city residents is assessed based on 3 aspects including income - employment; health - education; living environment - security. In each aspect, there will be corresponding indicators based on which the author can measure and evaluate the population quality of life index. Data was collected to research the comprehensive assessment index of the entire Da Nang City from 2016 to 2022. At the district level (excluding Hoang Sa island district), the project is implemented for 2019. Research shows that the quality of life in Da Nang City in 2016 - 2018 period is at a good level (level II) and will improve to a very good level (level I) in the 2020 - 2022 period. At the district level, research results show that Most of the quality of life is at a very good level (level I), and only Hoa Vang district is at a good level (level II). Based on the research results, the article also proposes some solutions to improve the quality of life of the city's residents in Da Nang city.

**Keywords:** quality of life, comprehensive index, measure. Da Nang city.

**Tóm tắt.** Bài viết tập trung đo lường và đánh giá chỉ số chất lượng cuộc sống dân cư TP Đà Nẵng dựa trên phương pháp chuẩn hóa thang đo 0 (giá trị kém nhất) - 100 (giá trị tốt nhất). Chất lượng cuộc sống dân cư TP Đà Nẵng được đánh giá dựa trên 3 khía cạnh gồm: thu nhập - việc làm; y tế - giáo dục; môi trường sống - an ninh. Trong mỗi khía cạnh sẽ có các chỉ số tương ứng mà dựa vào đó tác giả có thể đo lường và đánh giá chỉ số chất lượng cuộc sống dân cư tổng hợp. Số liệu thống kê được các tác giả thu thập trong giai đoạn năm 2016 đến năm 2022 cho toàn TP Đà Nẵng. Đối với cấp quận/huyện (không tính huyện đảo Hoàng Sa), số liệu được thu thập trong năm 2019. Nghiên cứu chỉ ra rằng, chất lượng cuộc sống dân cư TP Đà Nẵng giai đoạn 2016 - 2018 ở mức tốt (mức II) và được cải thiện lên mức rất tốt (mức I) ở giai đoạn 2020 - 2022. Đối với cấp quận/huyện kết quả nghiên cứu cho thấy chất lượng cuộc sống dân cư đều ở mức rất tốt (mức I) riêng huyện Hòa Vang đạt ở mức tốt (mức II). Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, bài báo cũng đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư TP Đà Nẵng.

**Từ khóa:** chất lượng cuộc sống dân cư, chỉ số tổng hợp, đo lường, thành phố Đà Nẵng.

## 1. Mở đầu

Nâng cao chất lượng cuộc sống người dân có thể xem là đích đến trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội và bảo vệ môi trường sống. Về mặt lý luận, chất lượng cuộc sống (Quality of life) được hiểu là một khái niệm rộng và thường được phân biệt rõ với mức sống dân cư. Trên thế giới đã có nhiều quan điểm khác nhau về chất lượng cuộc sống. Theo R.C Sharma người đầu tiên đưa ra khái niệm “Chất lượng cuộc sống là sự cảm giác được hài lòng (hạnh phúc hoặc thỏa mãn) với những nhân tố cuộc sống mà những nhân tố đó được coi là quan trọng nhất đối với bản thân một con người. Thêm vào đó, chất lượng là sự cảm giác được hài lòng với những gì mà con người có được. Nó như cái giá của sự đầy đủ hay sự trọn vẹn của cuộc sống” [1]. Theo như Tổ chức Y tế thế giới (WHO) “Chất lượng cuộc sống là nhận thức cá nhân về vị trí của họ trong cuộc sống” [2]. Như vậy, có thể hiểu ngắn gọn chất lượng cuộc sống là sự phản ánh về nhu cầu vật chất và giá trị tinh thần của con người.

Đối với các nghiên cứu thực tiễn, đã có một số tài liệu cũng như bài báo nghiên cứu về chất lượng cuộc sống dân cư ở các khu vực tỉnh/thành phố khác nhau ở Việt Nam. Những tài liệu được nhóm tác giả tham khảo về cơ sở lý thuyết và thực tiễn để phục vụ cho bài nghiên cứu. Các nhân tố ảnh hưởng cũng như các phương pháp nghiên cứu đánh giá về chất lượng cuộc sống dân cư đã được bàn đến trong các nghiên cứu của Phạm Thị Xuân Thọ (2008) về chất lượng cuộc sống của các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ phục vụ giảng dạy và học tập trường hợp tỉnh Bình Thuận [3]. Trong công trình này tác giả đã phân tích hiện trạng chất lượng cuộc sống dân cư dựa trên việc phân tích chỉ số HDI của vùng. Nghiên cứu của tác giả Bùi Vũ Thanh Nhật (2008) về chất lượng cuộc sống dân cư tỉnh Bình Thuận đã phân tích hiện trạng và đề xuất các giải pháp để nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư tỉnh Bình Thuận. Nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Thùy Linh (2014) về chất lượng cuộc sống dân cư tỉnh Đắk Lắk [5] tập trung phân tích chất lượng cuộc sống dân cư ở các khía cạnh về kinh tế, y tế, giáo dục và phúc lợi xã hội; tác giả đã áp dụng phương pháp thang điểm tổng hợp xây dựng và đánh giá các tiêu chí cụ thể và theo không gian. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Mến (2014) về phân tích chất lượng cuộc sống dân cư tỉnh Ninh Bình [6] chủ yếu tập trung vào thực trạng chất lượng cuộc sống dân cư tỉnh Ninh Bình dựa trên các nhân tố ảnh hưởng về điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội và sử dụng phương pháp chính là so sánh và phân tích tổng hợp dựa trên các thông tin và số liệu thu thập được. Điểm chung của các nghiên cứu này là các tác giả đều dựa trên cơ sở lý thuyết về các nhân tố tác động đến chất lượng cuộc sống dân cư để phân tích thực trạng mà chưa xác lập được một ngưỡng đo tiêu chuẩn và phương pháp tính toán, đánh giá định lượng và tổng hợp để chỉ rõ mức độ đạt được về chất lượng cuộc sống của dân cư.

TP Đà Nẵng là trung tâm phát triển kinh tế - xã hội lớn nhất của khu vực Miền Trung – Tây Nguyên, được mệnh danh là “thành phố đáng sống” của cả nước. Trong những năm qua, cùng với những thành tựu đạt được trên lĩnh vực kinh tế, TP Đà Nẵng đã rất chú trọng nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, đảm bảo an sinh xã hội, và cải thiện môi trường sống. Nghiên cứu này được thực hiện dựa trên cơ sở lý thuyết và thực tiễn về chất lượng cuộc sống, áp dụng phương pháp chuẩn hoá trên thang đo từ 0 – 100, từ đó tính toán chỉ số tổng hợp chất lượng cuộc sống dân cư. Kết quả nghiên cứu chỉ rõ mức độ đạt được về chất lượng cuộc sống dân cư, làm cơ sở để so sánh và đánh giá chất lượng cuộc sống dân cư TP Đà Nẵng theo ngưỡng đo tiêu chuẩn trong nước. Các giải pháp được kiến nghị của nghiên cứu cũng là một trong những kênh tham khảo, góp phần giúp các nhà quản lý có các chính sách phù hợp để nâng cao hơn nữa chất lượng cuộc sống dân cư thành phố.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Bộ chỉ số đo lường và đánh giá chất lượng cuộc sống dân cư

#### 2.1.1. Nguyên tắc lựa chọn chỉ số

Việc xây dựng, lựa chọn các chỉ số để đo lường chất lượng cuộc sống dân cư trong nghiên cứu

này tuân theo các nguyên tắc cơ bản của SMART: Specific (tính cụ thể), Measurable (tính đo lường được), Available (tính sẵn có), Relevant (tính phù hợp), và Time-related (tính thời gian) [7].

- Tính cụ thể (Specific): Chỉ số cần mô tả chính xác nội dung cần được đo lường và đánh giá và đặc biệt là không bao gồm nhiều thước đo khác trong một chỉ số. Chỉ số phải cung cấp được lượng thông tin cần thiết mà các chỉ số khác không thể hiện cũng như không bội lộc được. Mỗi chỉ số mang tính độc lập và không trùng lặp hay là chỉ số này nằm trong chỉ số kia. Việc lựa chọn chỉ số có ý nghĩa quyết định đến tầm quan trọng trong việc nghiên cứu và thống kê.

- Tính đo lường (Measurable): Một chỉ số phải đo lường, tính toán, định lượng được. Điều này có nghĩa là các chỉ số phải được thể hiện dưới dạng số mà chúng ta có thể đánh giá tác động tích cực hoặc tiêu cực đến chất lượng cuộc sống hoặc chúng ta có thể đặt các giá trị mục tiêu, giá trị tham chiếu như ngưỡng đo, khoảng cách tới mục tiêu.

- Tính sẵn có (Available): Đây là tiêu chí quan trọng hàng đầu trong việc lựa chọn chỉ số. Thông thường, tính sẵn có của dữ liệu quyết định chỉ số đó có được xây dựng hay không. Đồng thời dữ liệu cho các chỉ số phải có sẵn từ các nguồn chính thống, đáng tin cậy.

- Tính phù hợp (Relevant): Một chỉ số phải phù hợp với một vấn đề theo định nghĩa được sử dụng. Trong trường hợp này, chỉ số phải phù hợp với mục tiêu và nội dung về chất lượng cuộc sống dân cư ở các tiêu chí khác nhau.

- Tính thời gian (Time-related): Dữ liệu phải được cập nhật thường xuyên, thể hiện xu hướng biến đổi theo thời gian. Các chỉ số nên nắm bắt các quá trình dài hạn hơn là ngắn hạn.

### **2.1.2. Bộ chỉ số đo lường và đánh giá chất lượng cuộc sống dân cư TP Đà Nẵng**

Căn cứ vào cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn và các nguyên tắc lựa chọn chỉ số liên quan đến chất lượng cuộc sống dân cư, nhóm tác giả đã xây dựng bộ chỉ số phản ánh ba khía cạnh cơ bản của chất lượng cuộc sống TP Đà Nẵng là thu nhập – việc làm, y tế - giáo dục và môi trường – an ninh. Trong đó, 13 chỉ số được sử dụng để đo lường chất lượng cuộc sống dân cư toàn TP Đà Nẵng trong giai đoạn 2016 – 2022. Đối với cấp quận/huyện, do chỉ số thống kê không tương đồng với cấp thành phố, nên nhóm tác giả đã xây dựng bộ 09 chỉ số khác để đánh giá chất lượng cuộc sống ở cấp quận/huyện trong năm 2019, là năm gần nhất có đầy đủ số liệu cho các chỉ số của các quận/huyện.

Dữ liệu thống kê được thu thập từ 03 nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam, Cục Thống kê TP Đà Nẵng và Niên giám thống kê các quận/huyện TP Đà Nẵng.

#### **2.1.2.1. Cấp toàn TP Đà Nẵng**

Khía cạnh thu nhập – việc làm: Khía cạnh này đánh giá đời sống vật chất của người dân trong quá trình phát triển của thành phố. Nó cho thấy mức tiêu thụ sản phẩm của người dân thông qua mức thu nhập cá nhân, đồng thời còn thể hiện được trình độ và mức sống. Đây là điều kiện cần thiết để duy trì dân số, cải thiện nền kinh tế và đảm bảo chất lượng cuộc sống cao. Trong khía cạnh này có 04 chỉ số được sử dụng gồm: Thu nhập bình quân đầu người, tỉ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động, hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập, tỉ lệ hộ nghèo.

Khía cạnh y tế - giáo dục: các yếu tố về khía cạnh y tế - giáo dục đề cập đến đời sống về mặt giá trị tinh thần của người dân, phản ánh chất lượng cuộc sống con người bởi chính bản thân mỗi người phải hạnh phúc. Đầu tiên y tế là chỉ tiêu đánh giá sức khỏe của con người, sức khỏe tốt thể hiện phần nào môi trường tốt và lành mạnh. Giáo dục là một trong những nhu cầu cơ bản để phát triển trí tuệ và tư duy. Vì vậy có thể nói y tế - giáo dục trong xây dựng con người rất quan trọng. Khía cạnh này gồm 04 chỉ số: Tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, số ca nhiễm HIV mới/100 000 dân, tỉ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi, tỉ lệ người lớn biết chữ.

Khía cạnh môi trường – an ninh: Khía cạnh này đánh giá cách thành phố đảm bảo điều kiện sống thuận lợi cho người dân. Môi trường là nơi gắn kết cộng đồng xã hội giữa con người với con người và con người với tự nhiên, một môi trường xanh, sạch, đẹp là điều kiện thuận lợi cho đời sống người dân. Vấn đề về an ninh phản ánh mức độ quản lý an ninh và trật tự, điều này sẽ giúp

tạo ra sự công bằng và kỷ luật trong khu vực có dân cư sinh sống. Khía cạnh này gồm 05 chỉ số: Tỷ lệ dân số sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh, tỷ lệ dân số dùng hố xí hợp vệ sinh, tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố, tỷ lệ tử vong do tai nạn giao thông/100 000 dân, số bị can truy tố/100 000 dân.

**2.1.2.2. Cấp quận/huyện của TP Đà Nẵng**

Khía cạnh thu nhập – việc làm gồm 02 chỉ số: Thu nhập bình quân đầu người, tỷ lệ hộ nghèo.

Khía cạnh y tế - giáo dục gồm 03 chỉ số: Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm vaccin, tỷ lệ số ca nhiễm HIV/100 000 dân, tỷ số học sinh bình quân một giáo viên.

Khía cạnh môi trường – an ninh gồm 04 chỉ số: Tỷ lệ dân số sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh, tỷ lệ dân số dùng hố xí hợp vệ sinh, tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố, tỷ lệ tử vong do tai nạn giao thông/100 000 dân.

**2.2. Phương pháp nghiên cứu**

Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng các phương pháp sau: phương pháp thu thập, phân tích và tổng hợp tài liệu; phương pháp xử lý số liệu thống kê; phương pháp bản đồ biểu đồ và phương pháp chuẩn hóa theo thang đo 0 đến 100. Trong đó phương pháp tiếp cận chính là phương pháp chuẩn hóa theo thang đo 0 – 100.

Theo phương pháp này thì các chỉ số thành phần dựa trên các giá trị tối đa và giá trị tối thiểu sẽ được tính toán và đưa về chuẩn hóa theo thang đo từ 0 – 100 với 0 là giá trị kém nhất và 100 là giá trị tốt nhất. Nhóm tác giả xác định các chỉ số trong bộ chỉ số, phân ra các chỉ số thuận và các chỉ số nghịch. Đối với các chỉ số thuận (ví dụ: thu nhập bình quân đầu người, tỷ lệ người lớn biết chữ, tỷ lệ dân số sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh,...) thì giá trị lớn nhất (max) là giá trị tốt nhất còn giá trị thấp nhất (min) là giá trị kém nhất. Ngược lại đối với chỉ số nghịch (ví dụ: tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, tỷ lệ tử vong do tai nạn giao thông/100 000 dân,...) thì giá trị cao nhất (max) là giá trị kém nhất còn giá trị thấp nhất (min) là giá trị tốt nhất.

+ Đối với chỉ số thuận ta có công thức:

$$I_n = \left( \frac{X_r - X_{min}}{X_{max} - X_{min}} \right) \times 100 \quad (1)$$

+ Đối với chỉ số nghịch ta có công thức:

$$I_n = \left| 1 - \frac{X_r - X_{min}}{X_{max} - X_{min}} \right| \times 100 \quad (2)$$

+ Đối với thu nhập bình quân đầu người sẽ được tính theo công thức:

$$I_n = \left[ \frac{\ln(X_r) - \ln(X_{min})}{\ln(X_{max}) - \ln(X_{mix})} \right] \times 100 \quad (3)$$

Trong đó:

- $I_n$  là giá trị chuẩn hóa của số
- $X_r$  là giá trị thực.
- $X_{max}$  là giá trị lớn nhất
- $X_{min}$  là giá trị bé nhất

**Bảng 1. Phân cấp mức độ chất lượng cuộc sống theo phương pháp thang đo 0 – 100**

Mức độ	Giá trị chỉ số tổng hợp	Mức định tính
<b>I</b>	$\geq 80$	Rất tốt
<b>II</b>	70 – 79	Tốt
<b>III</b>	55 – 69	Trung bình
<b>IV</b>	< 55	Kém

Nguồn: Tác giả tham khảo từ Báo cáo Phát triển con người của UDNP

**Bảng 2. Ngưỡng đo các chỉ số chất lượng cuộc sống dân cư cấp toàn TP Đà Nẵng**

Khía cạnh	Chỉ số	Giá trị lớn nhất (max)	Giá trị nhỏ nhất (min)
<b>Thu nhập – Việc làm</b>	Thu nhập bình quân đầu người	6626,8	2094,3
	Tỉ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động	0,574	5,57
	Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập	0,274	0,472
	Tỉ lệ hộ nghèo	0,3	31,83
<b>Y tế - Giáo dục</b>	Tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng	4,88	19,13
	Số ca nhiễm mới HIV/100 000 dân	2,02	39,65
	Tỉ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi	7,816	25,81
	Tỉ lệ người lớn biết chữ	100	0
<b>Môi trường – An ninh</b>	Tỉ lệ dân số sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	100	0
	Tỉ lệ dân số sử dụng hố xí hợp vệ sinh	100	0
	Tỉ lệ hộ có nhà ở kiên cố	100	0
	Tỉ lệ tử vong tai nạn giao thông/100 000 dân	1,97	19,32
	Số bị can truy tố/100 000 dân	43,33	257,74

Nguồn: Tác giả tính toán

**Bảng 3. Ngưỡng đo các chỉ số chất lượng cuộc sống dân cư cấp quận/huyện của TP Đà Nẵng**

Khía cạnh	Chỉ số	Giá trị lớn nhất (max)	Giá trị nhỏ nhất (min)
<b>Thu nhập – Việc làm</b>	Thu nhập bình quân đầu người	6626,8	2094,3
	Tỉ lệ hộ nghèo	0,3	31,83
<b>Y tế - Giáo dục</b>	Tỉ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm vacxin	100	0
	Tỉ lệ số ca nhiễm HIV/100 000 dân	2,02	39,65
	Số học sinh bình quân 1 giáo viên	26,57	15,67
<b>Môi Trường – An ninh</b>	Tỉ lệ dân số sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	100	0
	Tỉ lệ dân số sử dụng hố xí hợp vệ sinh	100	0
	Tỉ lệ hộ có nhà ở kiên cố	100	0
	Tỉ lệ tử vong tai nạn giao thông/100 000 dân	1,97	19,32

Nguồn: Tác giả tính toán

## 2.3. Kết quả nghiên cứu

### 2.3.1. Khái quát khu vực nghiên cứu

TP Đà Nẵng thuộc vùng duyên hải Nam Trung Bộ và có vị trí tiếp giáp với Biển Đông. Phần đất liền của thành phố có tọa độ: Từ 15°15' đến 16°40' vĩ Bắc và từ 107°17' đến 108°20' Kinh độ Đông. Cách đảo Lí Sơn (thuộc tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam) khoảng 120 hải lí về phía Nam. Với diện tích lãnh thổ tự nhiên là 1.285,43 km<sup>2</sup> bao gồm phần đất liền và hải đảo (trong đó huyện đảo Hoàng Sa chiếm 30,6 km<sup>2</sup>), bao gồm 06 quận: Hải Châu, Liên Chiểu, Cẩm Lệ, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Thanh Khê và 2 huyện là huyện Hòa Vang với huyện đảo Hoàng Sa [7], [8]. Điều kiện tự nhiên đa dạng với khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa vì vậy có các đặc trưng là nền nhiệt và ẩm cao,

ít biến động. Có 2 mùa rõ rệt trong một năm: một mùa mưa và một mùa khô, số giờ nắng cao trung bình đạt 170,23 giờ với độ ẩm cao giao động từ 84 – 85%. TP Đà Nẵng có địa hình đa dạng và bị chia cắt phức tạp, độ cao địa hình dao động từ 0 – 1660 m, địa hình nghiêng theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Thành phố có diện tích đất tự nhiên là 125 654,37 ha, rong đó có các nhóm đất chính: nhóm đất đỏ vàng (56,1%), nhóm đất còn cát và đất cát biển (10%), nhóm đất phù sa (9,78%), ngoài ra còn 1 số nhóm các loại đất khác.

Như vậy với vị trí địa lí nằm trên tuyến đường biển quốc tế đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao thông đường thủy phát triển đồng thời có các ngư trường rộng lớn trên biển với diện tích 15.000 km<sup>2</sup>. TP Đà Nẵng có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa đã làm cho sinh vật của địa bàn phong phú và đa dạng với tổng trữ lượng là 1.136 nghìn tấn hải sản các loại. Ngoài ra điều kiện tự nhiên đã giúp TP Đà Nẵng có điều kiện phát triển về du lịch, gồm cả du lịch tự nhiên và du lịch nhân văn. Tài nguyên thiên nhiên là nguồn lực phát triển kinh tế, phát triển con người và nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư toàn thành phố.

Theo số liệu điều tra cho thấy năm 2022, quy mô dân số toàn thành phố là 1.220.190 người [9]. Đà Nẵng là địa phương có tỉ lệ dân thành thị cao nhất cả nước, chiếm 87,4% (2020) và mật độ dân số đang ở mức cao nhất vùng duyên hải miền Trung khoảng 950 người/km<sup>2</sup>, tuổi thọ trung bình đạt 76,18 tuổi, cao hơn mức trung bình của cả nước 73,84 tuổi (2022). Năm 2022 tăng trưởng kinh tế ở mức 14,05% so với năm 2021, nguyên nhân do thành phố đã thực hiện tốt công tác khắc phục ảnh hưởng tiêu cực từ đại dịch COVID-19. Quy mô kinh tế ước tính đạt 125.219 tỉ đồng năm 2022. Về cơ cấu kinh tế phân theo khu vực chiếm tỉ trọng cao nhất là dịch vụ 67,13%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 20,12%; khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 1,75% và thuế sản phẩm chiếm 11,0% [8], [10].

### 2.3.2. Đánh giá chỉ số chất lượng cuộc sống dân cư toàn TP Đà Nẵng giai đoạn 2016 – 2022

#### a. Khía cạnh Thu nhập – việc làm

**Bảng 4. Số liệu chuẩn hóa các chỉ số thu nhập – việc làm theo thang đo 0 – 100 của TP Đà Nẵng giai đoạn 2016 – 2022**

Khía cạnh	Các chỉ số	2016	2018	2020	2022
Thu nhập – việc làm	Thu nhập bình quân đầu người	65,2	83,9	80,3	88,5
	Tỉ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động	21,4	25,0	0	63,0
	Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập	61,1	62,5	82,0	80,1
	Tỉ lệ hộ nghèo	99,4	98,1	99,3	98,0
<b>Tổng</b>	<b>Chỉ số tổng hợp thu nhập – việc làm</b>	<b>61,8</b>	<b>67,4</b>	<b>65,4</b>	<b>82,4</b>

*Nguồn: Tác giả tính toán và tổng hợp*

Chỉ số tổng hợp về khía cạnh thu nhập – việc làm của TP Đà Nẵng ở mức trung bình (mức III) và được cải thiện từ 61,8 năm 2016 lên 67,4 năm 2018, 65,4 năm 2020. Năm 2022 tổng chỉ số tăng lên 82,4 ở mức rất tốt (mức I) (bảng 4). Những lí do chính cho vấn đề này là các chỉ số về thu nhập bình quân đầu người, tỉ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động, hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập của thành phố đều có sự cải thiện từ mức trung bình (mức III) lên mức rất tốt (mức I). Chứng tỏ đời sống vật chất của người dân được cải thiện. Đặc biệt, thu nhập – việc làm của TP Đà Nẵng đạt mức trung bình (mức III) liên tục 03 năm liền từ 2016 – 2020 do dịch covid – 19 diễn ra đã làm ngưng một số hoạt động kinh tế tại thành phố, người lao động phải cách li tại nhà và không tham gia lao động nên chỉ số tỉ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động bằng 0 vào năm 2020. Tuy nhiên, với sự phát triển mạnh mẽ của các hoạt động kinh tế và khả năng tạo việc

làm mới của TP Đà Nẵng thì đến năm 2022 thành phố đã điều chỉnh hoạt động kinh tế phù hợp từ hình thức trực tuyến khắc phục phần nào khó khăn do đại dịch gây ra.

**b. Khía cạnh Y tế - giáo dục**

**Bảng 5. Số liệu chuẩn hóa các chỉ số y tế - giáo dục theo thang đo 0 – 100 của TP Đà Nẵng giai đoạn 2016 – 2022**

Khía cạnh	Các chỉ số	2016	2018	2020	2022
Y tế - giáo dục	Tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng	100	100	100	100
	Số ca nhiễm mới HIV/100 000 dân	92,4	79,1	80,8	81,0
	Tỉ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi	95,1	96,2	99,0	100
	Tỉ lệ người lớn biết chữ	98,0	97,9	98,3	98,7
<b>Tổng</b>	<b>Chỉ số tổng hợp y tế - giáo dục</b>	<b>96,4</b>	<b>93,3</b>	<b>94,5</b>	<b>94,9</b>

*Nguồn: Tác giả tính toán và tổng hợp*

Dữ liệu chuẩn hoá giai đoạn 2016 – 2022 cho thấy chỉ số tổng hợp khía cạnh y tế - giáo dục ở TP Đà Nẵng tuy có dao động và giảm nhẹ ở một số năm, nhưng đều ở mức rất tốt (mức I) với 96,4 năm 2016, 93,3 năm 2018, 94,5 năm 2020 và 94,9 năm 2022 (bảng 5). Điều này là do Tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, tỉ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi của thành phố ở mức rất thấp và tỉ lệ người lớn biết chữ rất cao, phản ánh mức độ quan tâm và chăm sóc y tế ở TP Đà Nẵng. TP Đà Nẵng cũng là nơi có dân cư tập trung đông đúc từ nhiều tỉnh, thành phố khác đến sinh sống với mật độ dân số cao, dẫn đến các vấn đề về tệ nạn xã hội cũng ở mức đáng báo động và cần được quan tâm nhiều hơn trong quá trình xây dựng và phát triển bền vững. Chỉ số về số ca nhiễm mới HIV/100 000 dân dù đạt mức rất tốt (mức I) nhưng số ca nhiễm mới đang có xu hướng gia tăng.

**c. Khía cạnh Môi trường sống – an ninh**

**Bảng 6. Số liệu chuẩn hóa các chỉ số môi trường sống – an ninh theo thang đo 0 – 100 của TP Đà Nẵng giai đoạn 2016 – 2022**

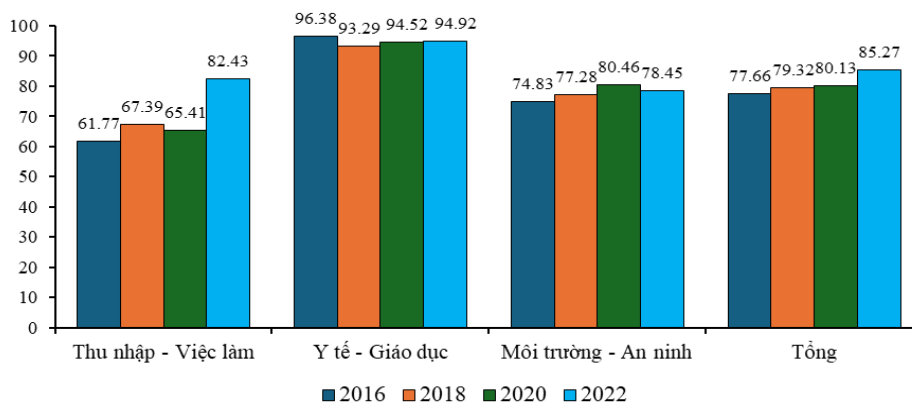
Khía cạnh	Các chỉ số	2016	2018	2020	2022
Môi trường – an ninh	Tỉ lệ dân số sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	99,2	99,5	99,5	100
	Tỉ lệ dân sử dụng hố xí hợp vệ sinh	99,9	99,9	100	100
	Tỉ lệ hộ có nhà ở kiên cố	43,7	39,4	54,3	58,1
	Tỉ lệ tử vong tai nạn giao thông/100 000 dân	62,9	79,9	85,7	84,9
	Số bị can truy tố/100 000 dân	68,4	67,7	62,7	49,3
<b>Tổng</b>	<b>Chỉ số tổng hợp môi trường – an ninh</b>	<b>74,8</b>	<b>77,3</b>	<b>80,5</b>	<b>78,5</b>

*Nguồn: Tác giả tính toán và tổng hợp*

Chỉ số tổng hợp môi trường – an ninh của TP Đà Nẵng giai đoạn 2016 – 2022 ở mức tốt (mức II) tương ứng là 74,8 năm 2016, 77,3 năm 2018, 78,5 năm 2022. Riêng năm 2020 chỉ số y tế - giáo dục tăng lên 80,5 và đạt mức rất tốt (mức I) (bảng 6). Thành phố đã đạt nhiều thành tựu trong việc cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường của người dân nên tỉ lệ dân số sử dụng nước sạch và sử dụng hố xí hợp vệ sinh đạt con số tuyệt đối. Tỉ lệ hộ có nhà ở kiên cố tuy đang được cải thiện qua các năm nhưng vẫn chỉ ở mức trung bình (mức III) năm 2022. Tình hình an ninh trật tự xã hội đã có những cải thiện đáng kể về mặt an toàn giao thông với tỉ lệ tử vong do tai nạn giao thông thấp và có xu hướng giảm xuống. Tuy nhiên, số bị can truy tố trên 100 000 dân của thành phố vẫn còn cao và có xu hướng gia tăng, khiến cho chỉ số này của TP Đà Nẵng ở mức kém và có chiều hướng giảm giá trị.

#### d. Đánh giá tổng hợp về chỉ số chất lượng cuộc sống dân cư toàn TP Đà Nẵng

Biểu đồ Hình 1 minh họa các kết quả chỉ số thành phần và tổng hợp của chất lượng cuộc sống dân cư, tính chung trong giai đoạn từ 2016 đến năm 2022, chỉ số tổng hợp về chất lượng cuộc sống dân cư của TP Đà Nẵng ở mức tốt (mức II) tương ứng với 77,6 năm 2016, 79,3 năm 2018 và được cải thiện lên 80,1 năm 2020, 85,3 năm 2022 ở mức rất tốt (mức I). Trong đó lĩnh vực y tế - giáo dục đạt mức rất tốt so với mặt bằng chung của cả nước. Khía cạnh thu nhập – việc làm và môi trường – an ninh đều đạt mức tốt (mức II) và có xu hướng được cải thiện qua các năm.



Hình 1. Đánh giá tổng hợp chất lượng cuộc sống dân cư TP Đà Nẵng

Nguồn: Tác giả xây dựng

### 2.3.3 Đánh giá chỉ số chất lượng cuộc sống dân cư cấp quận/huyện năm 2019

#### a. Khía cạnh Thu nhập – việc làm

Nhìn chung chỉ số tổng hợp về thu nhập – việc làm của các quận/huyện đều đạt trên 80 (mức rất tốt) với hai chỉ số đại diện là thu nhập bình quân đầu người và tỉ lệ hộ nghèo. Tuy nhiên, sự phát triển kinh tế không phải là đồng nhất ở tất cả các quận/huyện trong thành phố mà có sự phân hóa, điều đó đã kéo theo sự phân hóa và chênh lệch của chỉ số thu nhập bình quân đầu người giữa các địa phương. Trong đó quận Hải Châu có chỉ số thu nhập bình quân đầu người cao nhất là 99,4 ở mức rất tốt (mức I) cao gấp 1,4 lần so với huyện Hòa Vang là địa phương có chỉ số thu nhập bình quân đầu người thấp nhất ở mức tốt (mức II). Về chỉ số tỉ lệ hộ nghèo đứng nhất là Hải Châu với 96,6 ở mức rất tốt (mức I) và thấp nhất là Ngũ Hành Sơn với 76,8 ở mức tốt (mức II). Cụ thể dựa vào bảng số liệu có thể thấy rõ sự phân hóa trong thu nhập – việc làm qua 03 nhóm:

- Nhóm 1: Thu nhập – việc làm cao (trên 95): Hải Châu, Cẩm Lệ.
- Nhóm 2: Thu nhập – việc làm trung bình (từ 85 – 95): Thanh Khê, Liên Chiểu, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn.
- Nhóm 3: Thu nhập – việc làm thấp (dưới 85): Hòa Vang.

Tuy nhiên, quan sát bảng số liệu ta thấy sự chênh lệch giữa chỉ số thu nhập bình quân đầu người và tỉ lệ hộ nghèo ở Sơn Trà và Ngũ Hành Sơn còn cao chứng tỏ sự phân hóa giàu nghèo ở 2 quận/huyện trên cần được cân bằng (Bảng 7).

Bảng 7. Số liệu chuẩn hóa các chỉ số thu nhập – việc làm của các quận/ huyện TP Đà Nẵng theo thang đo 0 - 100 năm 2019

Quận/huyện	Thu nhập bình quân đầu người	Tỉ lệ hộ nghèo	Chỉ số tổng hợp về thu nhập – việc làm
Liên Chiểu	88,8	91,3	90,1
Thanh Khê	95,4	89,9	92,6
Hải Châu	99,4	96,6	98,0



<b>Sơn Trà</b>	94,4	79,8	87,1
<b>Ngũ Hành Sơn</b>	96,3	76,8	86,6
<b>Cẩm Lệ</b>	97,4	93,3	95,4
<b>Hòa Vang</b>	70,4	90,8	80,6

Nguồn: Tác giả tính toán và tổng hợp

### b. Khía cạnh y tế - giáo dục

Qua bảng số liệu về chỉ số tổng hợp y tế - giáo dục trình bày ở bảng 8, ta thấy các quận/huyện ở TP Đà Nẵng có chỉ số y tế - giáo dục chủ yếu đạt mức tốt (mức II) trở lên. Tuy nhiên vẫn có sự phân hoá giữa các địa phương do có sự khác biệt ở các chỉ số, đặc biệt do tỉ lệ số học sinh bình quân một giáo viên có sự phân hoá rõ rệt giữa các địa phương. Chỉ số tỉ lệ số học sinh bình quân một giáo viên cho thấy đứng đầu là Cẩm Lệ với 71,9 ở mức tốt (mức II), và thấp nhất là huyện Hòa Vang với 34,5 ở mức kém (mức IV).

**Bảng 8. Số liệu chuẩn hóa các chỉ số y tế - giáo dục của các quận/huyện TP Đà Nẵng theo thang đo 0 – 100 năm 2019**

Quận/huyện	Tỉ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm vắc xin	Tỉ lệ số ca nhiễm HIV /100 000 dân	Tỉ lệ số học sinh bình quân một giáo viên	Chỉ số tổng hợp về y tế - giáo dục
<b>Liên Chiểu</b>	95,2	89,1	65,4	83,2
<b>Thanh Khê</b>	100,0	72,5	54,3	75,6
<b>Hải Châu</b>	100,0	60,8	50,3	70,4
<b>Sơn Trà</b>	96,1	81,9	46,4	74,8
<b>Ngũ Hành Sơn</b>	95,0	87,8	51,2	78,0
<b>Cẩm Lệ</b>	97,0	85,5	71,9	84,8
<b>Hòa Vang</b>	98,7	89,0	34,5	74,1

Nguồn: Tác giả tính toán và tổng hợp

Chỉ số tổng hợp y tế - giáo dục cao nhất là Cẩm Lệ với 84,8 ở mức rất tốt (mức I) và thấp nhất là Hải Châu với 70,4 ở mức tốt (mức II). Quận Hải Châu được biết đến là trung tâm của thành phố, nơi dân cư tập trung đông đúc cũng chính vì vậy mà tệ nạn xã hội cũng xảy ra nhiều nhất. Chỉ số tổng hợp về y tế - giáo dục giữa các quận/huyện được thể hiện thông qua 03 nhóm:

- Nhóm 1 có y tế - giáo dục cao (trên 80): Cẩm Lệ, Liên Chiểu.
- Nhóm 2 có y tế - giáo dục trung bình (từ 75 – 80): Ngũ Hành Sơn, Thanh Khê, Sơn Trà.
- Nhóm 3 có y tế - giáo dục thấp (dưới 75): Sơn Trà, Hòa Vang, Hải Châu.

### c. Khía cạnh môi trường – an ninh

Bảng 9 về chỉ số tổng hợp môi trường – an ninh của quận/huyện TP Đà Nẵng cho thấy khía cạnh môi trường – an ninh là rất tốt (mức I) ở hầu hết các quận/huyện. Trong đó cao nhất là Cẩm Lệ với 94,5 ở mức rất tốt (mức II) và thấp nhất là Hòa Vang với 79,9 ở mức tốt (mức II). Qua đó, có thể tiến hành xếp hạng về khía cạnh môi trường – an ninh của các quận/huyện như sau:

- Nhóm 1 môi trường – an ninh cao (trên 90): Cẩm Lệ, Sơn Trà, Hải Châu, Thanh Khê.
- Nhóm 2 môi trường – an ninh trung bình (từ 80 – 90): Liên Chiểu, Ngũ Hành Sơn.
- Nhóm 3 môi trường – an ninh thấp (dưới 80): Hòa Vang.

Sự khác biệt của các địa phương ở khía cạnh môi trường – an ninh chủ yếu do sự phân hoá trong hai chỉ số là tỉ lệ tử vong do tai nạn giao thông/ 100 000 dân (chỉ số này đạt mức tốt nhất là

Cẩm Lệ với 97,0 nhưng Hòa Vang chỉ đạt 52,4 ở mức kém), và chỉ số tỉ lệ hộ có nhà ở kiên cố (các quận Liên Chiểu và Ngũ Hành Sơn có giá trị thấp hơn, lần lượt là 73,6 và 75,5).

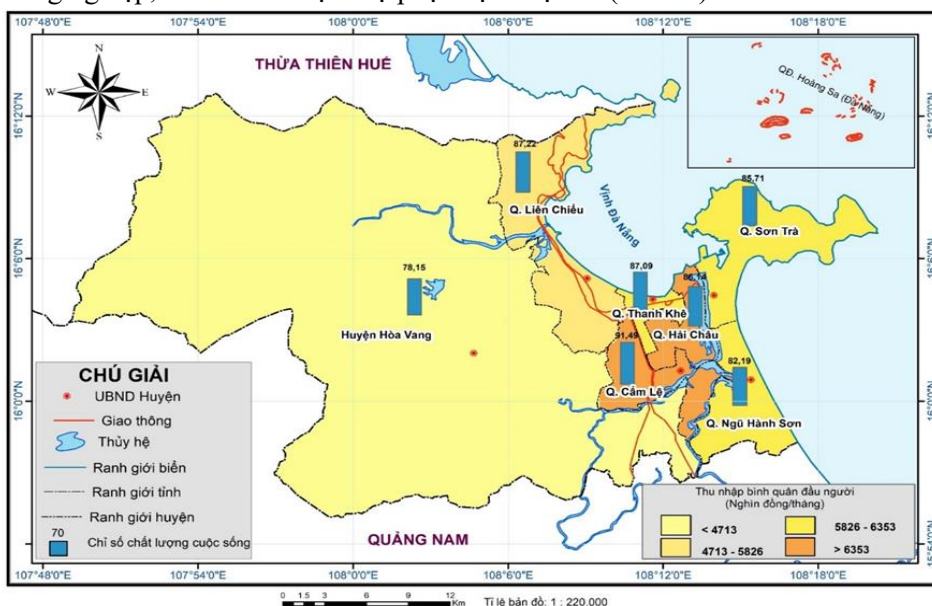
**Bảng 9. Số liệu chuẩn hóa các chỉ số y tế - giáo dục của các quận/huyện TP Đà Nẵng theo thang đo 0 – 100 năm 2019**

Quận/huyện	Tỉ lệ dân số sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	Tỉ lệ dân số dùng hố xí hợp vệ sinh	Tỉ lệ hộ có nhà ở kiên cố	Tỉ lệ tử vong do tai nạn giao thông/100 000 dân	Chỉ số tổng hợp về môi trường – an ninh
Liên Chiểu	96,6	97,1	73,6	87,8	88,78
Thanh Khê	99,6	99,4	89,2	83,5	92,9
Hải Châu	98,5	99,6	81,5	88,6	92,0
Sơn Trà	96,4	99,8	83,3	93,2	93,2
Ngũ Hành Sơn	93,6	96,5	75,5	67,0	83,1
Cẩm Lệ	98,9	95,8	86,5	97,0	94,5
Hòa Vang	86,3	93,0	88,3	52,4	79,9

Nguồn: Tác giả tính toán và tổng hợp

**d. Đánh giá tổng hợp chất lượng cuộc sống dân cư theo quận/huyện của TP Đà Nẵng**

Dựa vào kết quả đánh giá tổng hợp chất lượng cuộc sống dân cư theo quận/huyện của TP Đà Nẵng ta thấy được 6 quận trên tổng số 7 quận/huyện có chất lượng cuộc sống dân cư đạt ở mức rất tốt (mức I), trong đó đứng thứ nhất là quận Cẩm Lệ (91,5), tiếp theo đó là Liên Chiểu (87,2); Thanh Khê (87,1); Hải Châu (86,1); Sơn Trà (85,7); Ngũ Hành Sơn (82,2). Riêng huyện Hòa Vang có chất lượng cuộc sống dân cư đạt ở mức tốt (mức II) với 78,2. Đây là đơn vị hành chính cấp huyện của TP Đà Nẵng với đa phần người dân sinh sống bằng nghề nông, chăn nuôi gia súc, gia cầm, dệt lụa, nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản, một bộ phận nhỏ tham gia sản xuất tiêu thụ công nghiệp, kinh doanh dịch vụ phục vụ du lịch... (Hình 2)



**Hình 2. Bản đồ chỉ số chất lượng cuộc sống dân cư phân theo quận/huyện của TP Đà Nẵng năm 2019**

Nguồn: Tác giả xây dựng

## **2.4. Đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư TP Đà Nẵng**

Căn cứ vào kết quả đánh giá chỉ số chất lượng cuộc sống dân cư TP Đà Nẵng, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của thành phố cho sự phát triển bền vững trong tương lai như sau:

Đối với khía cạnh thu nhập – việc làm: Cần xây dựng một chiến lược tổng thể cho việc cải thiện năng suất lao động của TP Đà Nẵng trong thời gian đến. Đặc biệt là việc phân bổ và sử dụng một cách hợp lý các nguồn lực đầu tư, cải thiện năng suất lao động. Tập trung công tác đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Đồng thời, cần chính sách đột phá nhằm cải thiện tiền lương, thu nhập và các yếu tố đời sống của người lao động. Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố tổng hợp góp phần vào tăng trưởng năng suất lao động.

Đối với khía cạnh y tế - giáo dục: Phát triển, hoàn thiện hệ thống tổ chức y tế theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả và hội nhập quốc tế; Tập trung đầu tư xây dựng hoàn chỉnh các công trình y tế theo quy hoạch mạng lưới của ngành. Đổi mới toàn diện cơ chế quản lý, điều hành tại các bệnh viện. Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ y tế đảm bảo đủ về số lượng, và chất lượng. Cần lên phương án chuẩn bị cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên; đặt mục tiêu phát triển giáo dục hướng đến tiêu chuẩn cao ngang tầm quốc tế, trên mục quốc gia để tương xứng với những gì hiện có. Bên cạnh đó, trong kế hoạch phát triển giáo dục tương lai, Đà Nẵng cũng cần dành không gian cho các khu vui chơi giải trí, làm sao để người dân chỗ nào cũng có thể vui chơi, học tập. Cần đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, từng bước tiếp cận với giáo dục có đầu tư lớn. Môi trường giáo dục tốt sẽ tạo tiền đề cho phát triển kinh tế - xã hội và thu hút nhân lực chất lượng cao.

Đối với khía cạnh môi trường – an ninh: Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật về an ninh trật tự và xây dựng lực lượng Công an nhân dân đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Tập trung xây dựng Công an xã, phường đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao, góp phần tích cực giải quyết hiệu quả tình hình an ninh trật tự tại cơ sở. Đẩy mạnh ứng dụng thành tựu khoa học - kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, hiện đại phục vụ các mặt công tác Công an. Đầu tư ngân sách hợp lý cho các dự án xây dựng công trình công cộng, công viên, quảng trường. Cải tạo không gian công cộng hiện có của thành phố. Áp dụng các chính sách kêu gọi tham gia và hỗ trợ của các tổ chức nghiên cứu khoa học, các tổ chức phi chính phủ...

## **3. Kết luận**

Nghiên cứu đã xây dựng được bộ chỉ số và áp dụng các phương pháp để đo lường và đánh giá chất lượng cuộc sống dân cư TP Đà Nẵng. Nghiên cứu chỉ ra rằng, chất lượng cuộc sống dân cư TP Đà Nẵng giai đoạn 2016 – 2018 ở mức tốt (mức II) và được cải thiện lên mức rất tốt (mức I) ở giai đoạn 2020 – 2022. Đối với cấp quận/huyện kết quả nghiên cứu cho thấy chất lượng cuộc sống dân cư đều ở mức rất tốt (mức I) riêng huyện Hòa Vang đạt ở mức tốt (mức II). Tuy nhiên, TP Đà Nẵng cũng cần phải chú trọng cải thiện ở một số vấn đề liên quan đến y tế và an ninh. Ngoài ra tỉ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động ở khía cạnh thu nhập – việc làm cũng là vấn đề đáng quan tâm để giải quyết. Kết quả nghiên cứu đề tài đã góp phần đưa ra cái nhìn thực tiễn về chất lượng cuộc sống dân cư TP Đà Nẵng, và là một trong những kênh tham khảo để hoạch định các chính sách phù hợp nhằm thúc đẩy chất lượng cuộc sống dân cư thành phố ngày càng tốt hơn.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] NK Thoa, (2003). Bàn về khái niệm chất lượng cuộc sống. *Tạp chí Dân số và Phát triển*, Vol (06). <https://giadinh.suckhoedoisoing.vn/ban-ve-khai-niem-chat-luong-cuoc-song-1722011111703242523.htm>
- [2] Whoqol Group, (1998). Development of the World Health Organization WHOQOL-BREF quality of life assessment. *Psychological Medicine*, 28, 551–558.

- [3] PTX Thọ, (2008). *Nghiên cứu chất lượng cuộc sống các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ phục vụ giảng dạy và học tập trường hợp tỉnh Bình Thuận*. Đề tài nghiên cứu Khoa học công nghệ cấp Bộ, mã số B.2006.19.06.
- [4] BVT Nhật, (2008). *Chất lượng cuộc sống dân cư tỉnh Bình Thuận hiện trạng và giải pháp*. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. <https://luanvan.net.vn/luan-van/luan-van-chat-luong-cuoc-song-dan-cu-tinh-binh-thuan-hien-trang-va-giai-phap-74455/>.
- [5] NTT Linh, (2014). *Chất lượng cuộc sống dân cư tỉnh Đắk Lắk*. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. <https://luanvan.net.vn/luan-van/luan-van-chat-luong-cuoc-song-dan-cu-tinh-dak-lak-75222/>.
- [6] NT Mến, (2014). *Phân tích chất lượng cuộc sống dân cư tỉnh Ninh Bình*. Luận án tốt nghiệp đại học, Trường Đại học Tây Bắc. [vhttps://fr.slideshare.net/slideshow/chuyen-de-phan-tich-chat-luong-cuoc-song-dan-cu-mien-phi-hot-2018/86741374](https://fr.slideshare.net/slideshow/chuyen-de-phan-tich-chat-luong-cuoc-song-dan-cu-mien-phi-hot-2018/86741374)
- [7] TV Cảnh, (2023). *Đo lường và đánh giá chỉ số thịnh vượng đô thị thành phố Đà Nẵng dựa trên các tiêu chí của Liên Hợp Quốc*. NXB Lao động.
- [8] TV Cảnh, NTN Ánh, ĐT Diệu, (2019). Nghiên cứu chỉ số phát triển con người (HDI) thành phố Đà Nẵng. *Tạp chí Khoa học Công nghệ Đại học Đà Nẵng*, 02(87), 96 – 102.
- [9] Tổng cục Thống kê Việt Nam. *Kết quả khảo sát mức sống dân cư 2016 - 2022*. NXB Thống kê, Hà Nội.
- [10] Cục Thống kê Thành phố Đà Nẵng, (2022). *Niên giám thống kê TP 2021*. NXB Thống kê, Hà Nội.